



Khai báo dữ liệu đầu vào

Dự án

Ngày : 10.11.2017

Thiết lập

Mô hình : Mô hình 3D

Nhấn : trung gian

Hiện trường xây dựng

Kích hoạt vùng biên : 2,00 m

Độ sâu phía dưới hố khoan sâu nhất : 3,00 m

$x_{\min} = 0,00$ m $x_{\max} = 76,00$ m

$y_{\min} = 0,00$ m $y_{\max} = 122,00$ m

Các lớp đất

STT	Tên	Lớp	γ [kN/m ³]	ν [-]	E_{def} [MPa]
1	silt				
2	sand				
3	clay				
4	gravel				
5	rock				

Thông số địa chất

silt

Dung trọng đơn vị : $\gamma = \text{kN/m}^3$

Ứng suất - trạng thái : hiệu quả

Góc ma sát trong : $\varphi_{\text{ef}} = ^\circ$

Lực dính của đất : $c_{\text{ef}} = \text{kPa}$

Hệ số Poisson : $\nu =$

Mô đun biến dạng : $E_{\text{def}} = \text{MPa}$

Trọng lượng đơn vị bão hòa : $\gamma_{\text{sat}} = \text{kN/m}^3$

sand

Dung trọng đơn vị : $\gamma = \text{kN/m}^3$

Ứng suất - trạng thái : hiệu quả

Góc ma sát trong : $\varphi_{\text{ef}} = ^\circ$

Lực dính của đất : $c_{\text{ef}} = \text{kPa}$

Hệ số Poisson : $\nu =$

Mô đun biến dạng : $E_{\text{def}} = \text{MPa}$

Trọng lượng đơn vị bão hòa : $\gamma_{\text{sat}} = \text{kN/m}^3$

clay

Dung trọng đơn vị : $\gamma = \text{kN/m}^3$

Ứng suất - trạng thái : hiệu quả

Góc ma sát trong : $\varphi_{\text{ef}} = ^\circ$

Lực dính của đất : $c_{\text{ef}} = \text{kPa}$



Hệ số Poisson : $\nu =$
Mô đun biến dạng : $E_{def} =$ MPa
Trọng lượng đơn vị bão hòa : $\gamma_{sat} =$ kN/m³

gravel

Dung trọng đơn vị : $\gamma =$ kN/m³
Ứng suất - trạng thái : hiệu quả
Góc ma sát trong : $\varphi_{ef} =$ °
Lực dính của đất : $c_{ef} =$ kPa
Hệ số Poisson : $\nu =$
Mô đun biến dạng : $E_{def} =$ MPa
Trọng lượng đơn vị bão hòa : $\gamma_{sat} =$ kN/m³

rock

Dung trọng đơn vị : $\gamma =$ kN/m³
Ứng suất - trạng thái : hiệu quả
Góc ma sát trong : $\varphi_{ef} =$ °
Lực dính của đất : $c_{ef} =$ kPa
Hệ số Poisson : $\nu =$
Mô đun biến dạng : $E_{def} =$ MPa
Trọng lượng đơn vị bão hòa : $\gamma_{sat} =$ kN/m³

Thí nghiệm hiện trường

STT	Tên bài kiểm tra:	Thử nghiệm loại	Hệ tọa độ			Chiều sâu điểm đầu tiên d ₁ [m]	Tổng chiều sâu d _{tot} [m]
			x [m]	y [m]	z [m]		
1	JV1	hố khoan	0,00	0,00	433,00	0,00	17,70
2	JV1 (2)	hố khoan	0,00	56,00	422,00	0,00	17,00
3	JV1 (3)	hố khoan	18,00	122,00	432,00	0,00	21,00
4	cpt1	CPT	51,00	56,00	427,75	0,00	11,40
5	DP1	DPT	76,00	99,00	432,00	0,00	7,00

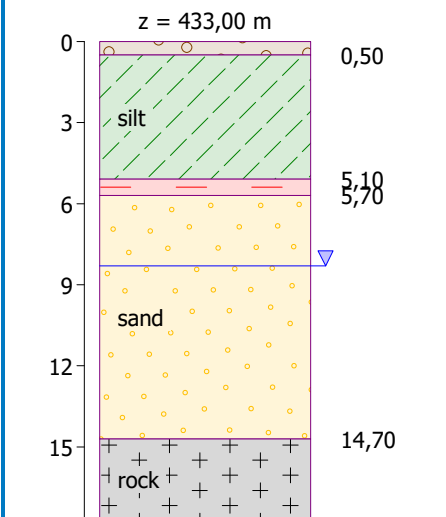
Mẫu thí nghiệm

STT	Tên	Thử nghiệm loại	Địa điểm		
			x [m]	y [m]	z [m]
1	JV1	hố khoan	0,00	0,00	433,00
2	JV1 (2)	hố khoan	0,00	56,00	422,00
3	JV1 (3)	hố khoan	18,00	122,00	432,00
4	cpt1	CPT	51,00	56,00	427,75
5	DP1	DPT	76,00	99,00	432,00

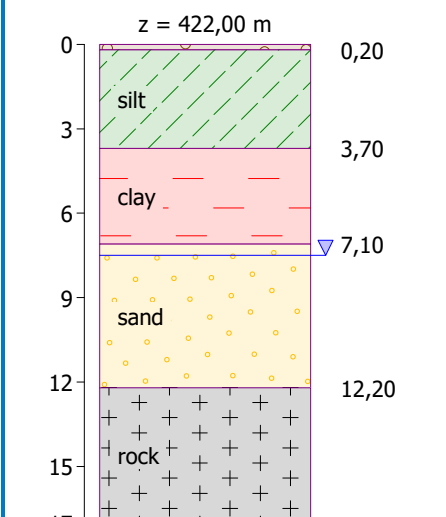
STT	Tên	Chiều sâu d _{tot} [m]	Độ sâu GWT h _{GWT} [m]	Mặt cắt địa chất trạng thái
1	JV1	17,70	8,30	OK
2	JV1 (2)	17,00	7,50	OK
3	JV1 (3)	21,00	8,30	OK
4	cpt1	11,40	10,00	OK
5	DP1	7,00	6,90	OK



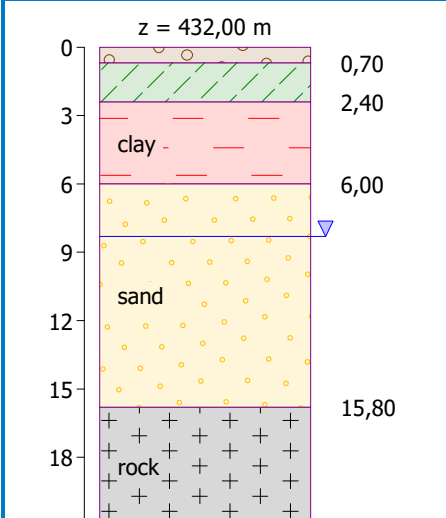
JV1

	Thí nghiệm các lớp trong mặt cắt địa chất :			
	STT	Chiều dày [m]	Depth [m]	Lớp
	1	0,50	0,00 .. 0,50	
	2	4,60	0,50 .. 5,10	
	3	0,60	5,10 .. 5,70	
	4	9,00	5,70 .. 14,70	
	5	3,00	14,70 .. 17,70	

JV1 (2)

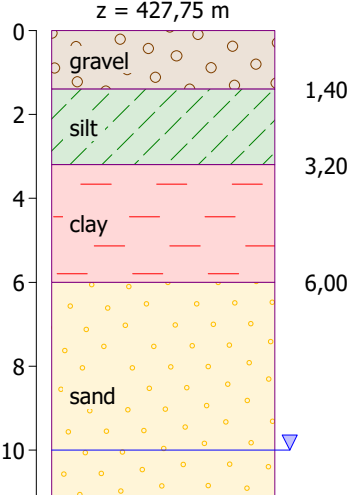
	Thí nghiệm các lớp trong mặt cắt địa chất :			
	STT	Chiều dày [m]	Depth [m]	Lớp
	1	0,20	0,00 .. 0,20	
	2	3,50	0,20 .. 3,70	
	3	3,40	3,70 .. 7,10	
	4	5,10	7,10 .. 12,20	
	5	4,80	12,20 .. 17,00	

JV1 (3)

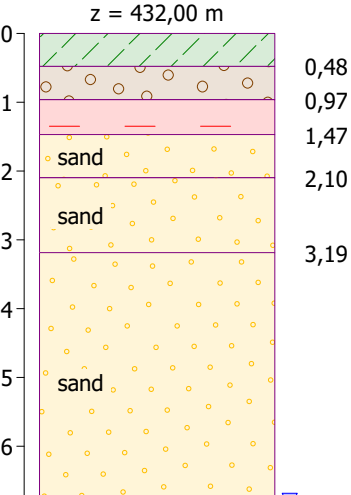
	Thí nghiệm các lớp trong mặt cắt địa chất :			
	STT	Chiều dày [m]	Depth [m]	Lớp
	1	0,70	0,00 .. 0,70	
	2	1,70	0,70 .. 2,40	
	3	3,60	2,40 .. 6,00	
	4	9,80	6,00 .. 15,80	
	5	5,20	15,80 .. 21,00	



cpt1

	Sự phân loại :			
	Cách phân loại : Robertson 2010			
	Hệ số độ thấm : $\alpha = 0,75$			
	khối lượng đơn vị : $\gamma = 19,00 \text{ kN/m}^3$			
	Chiều dày nhỏ nhất của lớp : $h = 0,50 \text{ m}$			
	Độ sâu GWT : $h_{\text{GWT}} = 10,00 \text{ m}$			
	Dữ liệu được kích hoạt để khởi tạo mô hình địa chất			
	Thí nghiệm các lớp trong mặt cắt địa chất :			
STT		Chiều dày [m]	Depth [m]	Lớp
1		1,40	0,00 .. 1,40	
2		1,80	1,40 .. 3,20	
3		2,80	3,20 .. 6,00	
4		5,40	6,00 .. 11,40	

DP1

	Thí nghiệm các lớp trong mặt cắt địa chất :			
	STT	Chiều dày [m]	Depth [m]	Lớp
	1	0,48	0,00 .. 0,48	
	2	0,48	0,48 .. 0,97	
	3	0,51	0,97 .. 1,47	
	4	0,63	1,47 .. 2,10	
	5	1,09	2,10 .. 3,19	
	6	3,77	3,19 .. 6,95	

Mô hình địa chất

STT	Tên	Master	Chủ động	x [m]	Địa điểm y [m]	z [m]	Độ sâu GWT h_{GWT} [m]
1	JV1	Có	Có	0,00	0,00	433,00	8,30
2	JV1 (2)	Không	Có	0,00	56,00	422,00	7,50
3	JV1 (3)	Không	Có	18,00	122,00	432,00	8,30
4	cpt1	Không	Có	51,00	56,00	427,75	10,00
5	DP1	Không	Có	76,00	99,00	432,00	6,90
6	N	Không	Có	25,00	0,00	432,63	8,15

Dữ liệu đầu ra

STT	Tên	Địa điểm x [m] y [m]	
1	1	12,00	106,00
2	2	54,00	33,00
3		12,00	21,00



Mặt cắt ngang

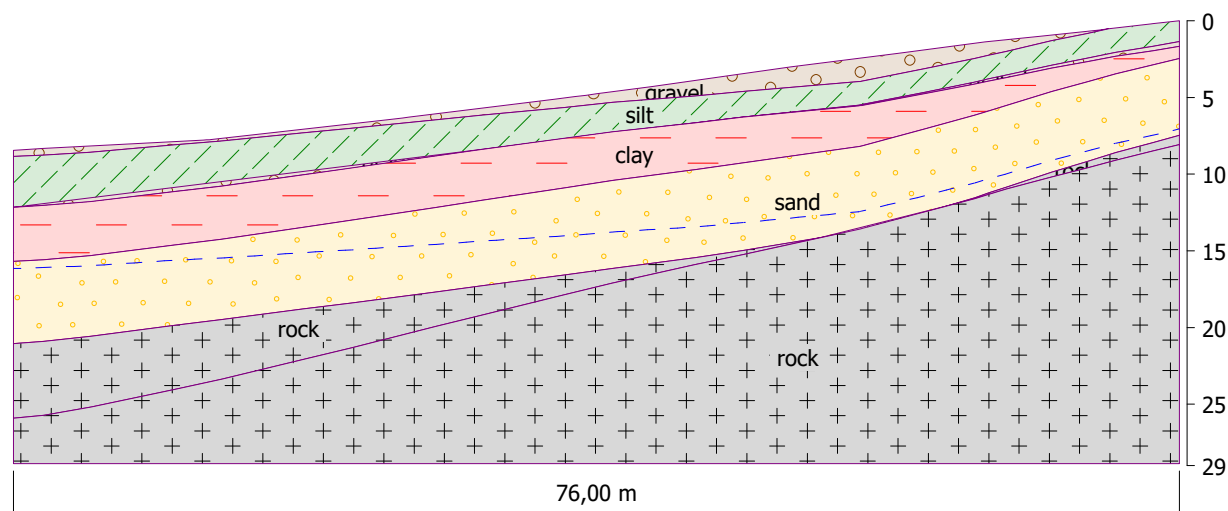
STT	Tên	Điểm A		Điểm B	
		x [m]	y [m]	x [m]	y [m]
1	cs1	0,00	63,00	76,00	63,00
2	cs 2	39,00	122,00	39,00	0,00

cs1

Địa điểm :

Điểm A : x = 0,00 m; y = 63,00 m

Điểm B : x = 76,00 m; y = 63,00 m

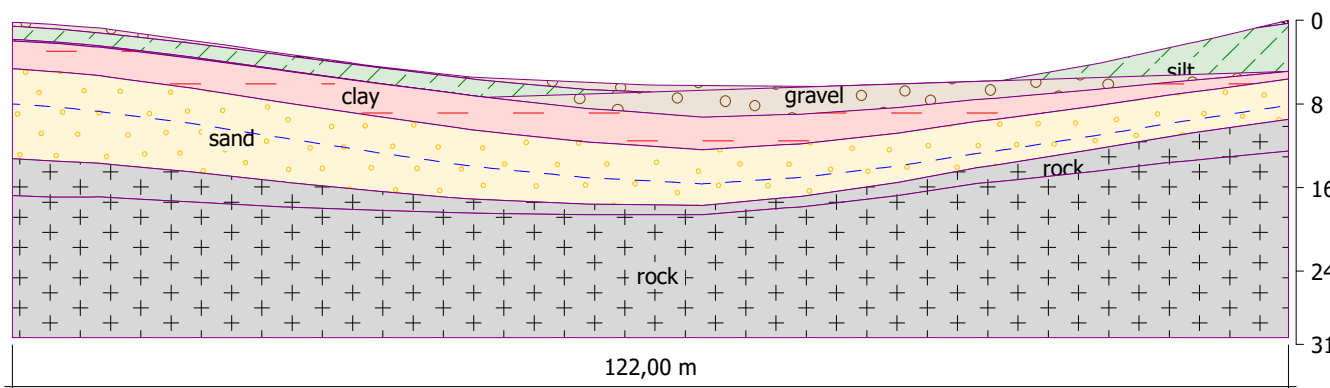


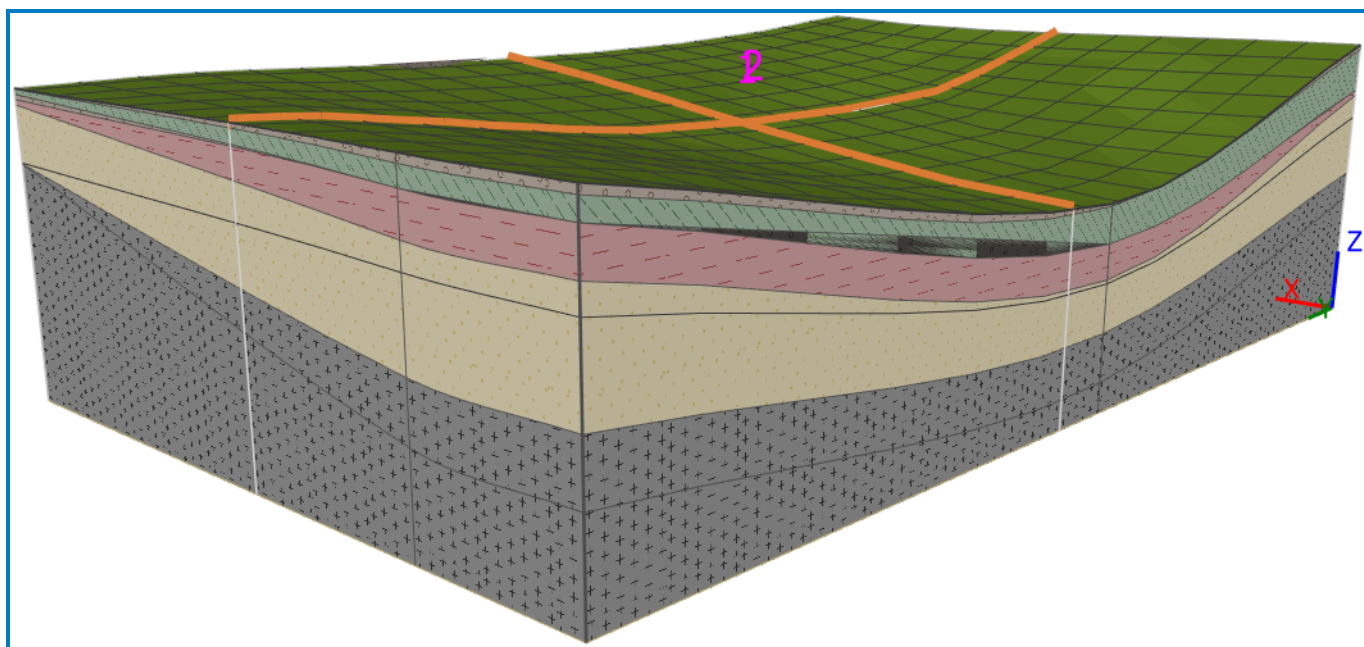
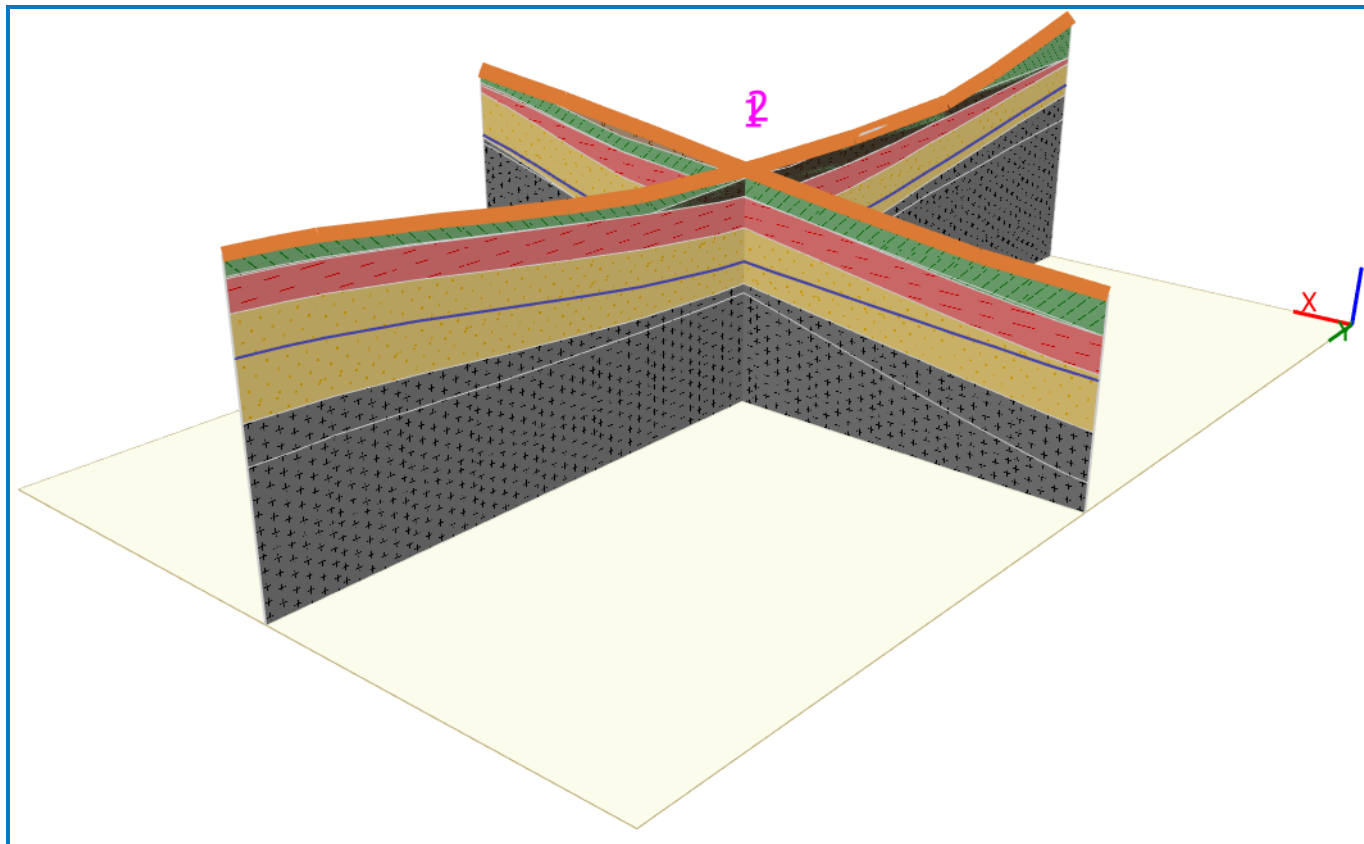
cs 2

Địa điểm :

Điểm A : x = 39,00 m; y = 122,00 m

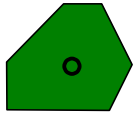
Điểm B : x = 39,00 m; y = 0,00 m

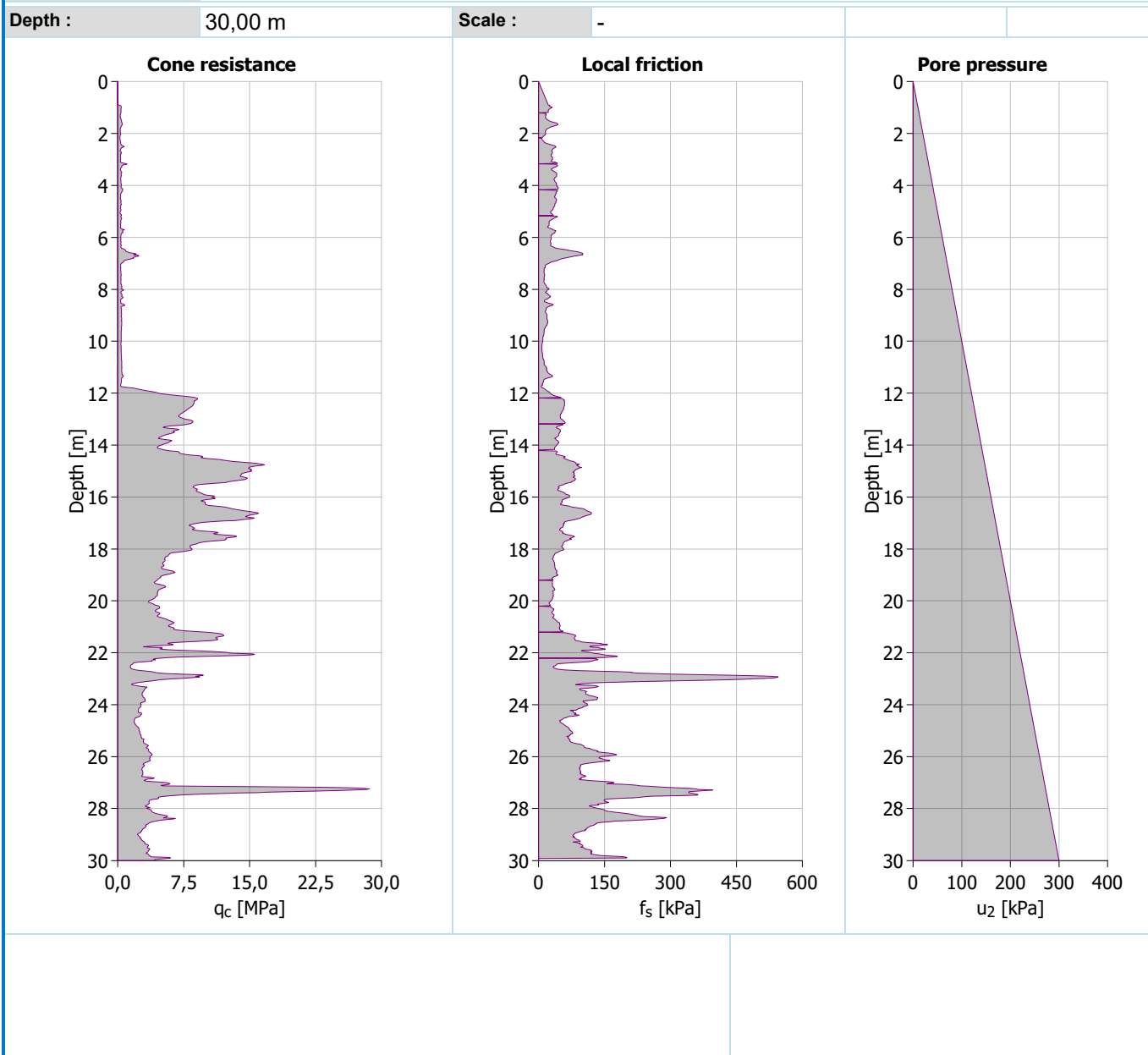






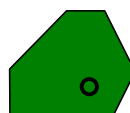
Log of Field Test CPT 0,00

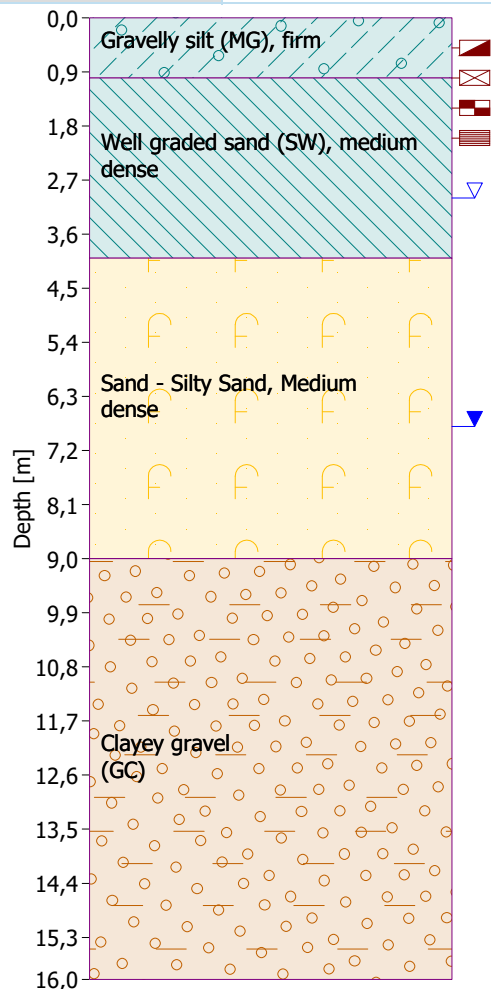
Task :	Site exploration, project New West investment 2020		
Part :	Field tests and borehole documentation		
Description :	Boreholes for geological model creation		
Customer :	PF Beta Investment		
Project Type :	Detailed project documentation	X = 1,10 m	Y = 2,20 m
Project ID :	AH PPI2017	Z = -0,96 m (calculated)	
Project number :	12789/082017	Coord. Syst.	JTSK/Balt.s.
Carried Out By :	Drilling CZ s.r.o. (geological survey division)	Drilling Foreman :	James Good
Start Date :	11.10.2017	Reported By :	Bill Monroe
End Date :	12.10.2017	Evaluated By :	Flint Wood
Equipment Type :	heavy penetration machine Gouda Holland, push. capacity 200 kN	Supervised By :	Owen Jameson
Technology :	mechanical tip, discontinuous borehole		





Log of Borehole Vrt 0,00; GV_2

Task :	Site exploration, project New West investment 2020				
Part :	Field tests and borehole documentation				
Description :	Boreholes for geological model creation				
Customer :	PF Beta Investment				
Project Type :	Detailed project documentation			X = 20,00 m	Y = 20,00 m
Project ID :	AH PPI2017			Z = 15,00 m (input)	
Project number :	12789/082017			Coord. Syst.	JTSK/Balt.
Carried Out By :	Drilling CZ	Borehole Diameter :	0 ... 2 m -- 200 mm 2 ... 6 m -- 150 mm 6 ... 8 m -- 120 mm	Drilling Foreman :	John Good
Start Date :	09.10.2017			Reported By :	Bill Fine
End Date :	10.10.2017	Casing Diameter :	0 ... 2 m -- 240 mm 2 ... 8 m -- 200 mm	Evaluated By :	Fredy Steel
Equipment Type :	UDEGA II			Supervised By :	Owen Master
Technology :	core borehole	Drill Type :	6/8" Roller		
Depth :	16,00 m	Scale :	-		
Original GWT	3,00 m				
Static GWT	6,80 m				



(0 ... 1.0) Initial sand / clay weighing with variable umbrella locally occurring original building material, remains of bricks, concrete
Obtained sample:

- a high-quality sample core
- compact core
- a high-quality core

(1.0 ... 4.0) Coarse, non-cohesive material consisting of construction waste, slag, gravel, tiny black heap, asphalt residues, dusty sand.

Obtained sample:

- a sample with a broken core

(4.0 ... 9.0) Clay sand, sandy-dusty character, rusty to violet color, decaying structure, sporadic brown smudges; interglacial.

Obtained sample

- broken pieces of the core
- broken kernel
- low-quality core

(9.0 ... 16.0) Organic sandy-dusty soil, slightly clayey, ocher grayish yellowish to light rusty gray-brown color, weakly smeared, consistency stiff, unique occurrence brown smudged bearings, dark brown bellows moderately to moderately worked (5%); loamy clay

Obtained sample:

- a good sample
- core intact
- good quality core

▽ GWT driven
▼ GWT steady
⊠ disturb
⊠ technological

■ strength
■ leach